

BỘ CÔNG AN
Số: 01/2002/TT-
BCA(C11)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 1 năm 2002

THÔNG TƯ

Hướng dẫn tổ chức cấp đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Thực hiện các Điều 48, 49 Luật Giao thông đường bộ đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001, Bộ Công an quy định việc đăng ký và cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

1.1. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe) gồm xe ô tô, máy kéo, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự, kể cả xe cơ giới dùng cho người tàn tật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đang cư trú hoặc có trụ sở trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trước khi tham gia giao thông đều phải đăng ký và gắn biển số theo quy định của Thông tư này.

1.2. Thông tư này không áp dụng đối với việc đăng ký, quản lý xe quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng.

2. Cơ quan đăng ký xe:

2.1. Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt: đăng ký xe ô tô của các cơ quan, cá nhân ngoại giao, các tổ chức quốc tế và xe của một số cơ quan Trung ương (có danh mục kèm theo).

2.2. Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: đăng ký xe của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, xe của doanh nghiệp kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng đang cư trú hoặc có trụ sở tại địa phương mình.

3. Trách nhiệm của chủ xe:

3.1. Chủ xe phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của hồ sơ xe và xe.

3.2. Nghiêm cấm mọi hành vi giả mạo hồ sơ, tẩy xóa số máy, số khung để đăng ký.

4. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký xe:

Cơ quan đăng ký xe có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Thời gian cấp đăng ký, biển số:

5.1. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký xe cấp ngay giấy hẹn và biển số.

5.2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định), cơ quan đăng ký xe phải cấp giấy đăng ký xe hoặc hồ sơ xe cho chủ xe (trường hợp sang tên di chuyển) hoặc giấy chứng nhận xóa sổ (trường hợp xóa sổ đăng ký). Riêng thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh thời hạn không quá 07 ngày.

5.3. Đăng ký xe tạm thời: sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký xe cấp ngay đăng ký và biển số xe tạm thời.

II. ĐĂNG KÝ XE

A. CÁC LOẠI GIẤY TỜ CỦA CHỦ XE KHI ĐẾN ĐĂNG KÝ XE

1. Chủ xe là người Việt Nam:

- Xuất trình giấy chứng minh nhân dân.
- Trường hợp không có giấy chứng minh nhân dân thì phải xuất trình một trong những giấy tờ sau đây:
 - + Hộ khẩu thường trú hoặc giấy chứng nhận tạm trú có thời hạn.

- + Bản sao quyết định điều động hoặc tiếp nhận công tác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu chưa có sổ hộ khẩu).
- + Chủ xe là cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang (Quân đội, Công an): giấy giới thiệu của đơn vị công tác kèm theo giấy chứng minh Quân đội nhân dân, giấy chứng nhận Cảnh sát nhân dân, giấy chứng minh An ninh nhân dân, kể cả giấy chứng nhận tạm thời.
- + Trường hợp chủ xe là học sinh, sinh viên đăng ký xe: giấy giới thiệu tạm trú theo quy định và xuất trình thẻ học sinh, sinh viên.
- + Chủ xe là người Việt Nam định cư ở nước ngoài: giấy khai báo tạm trú theo quy định và xuất trình hộ chiếu (còn giá trị).
- Người được chủ xe uỷ quyền đăng ký xe: phải có giấy uỷ quyền của chủ xe (có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan, đơn vị công tác) và xuất trình giấy chứng minh nhân dân của mình. Trường hợp người đến đăng ký thay có hộ khẩu hoặc giấy tờ khác chứng minh là bố, mẹ, vợ, chồng, con của chủ xe thì không cần có giấy uỷ quyền.

2. Chủ xe là người nước ngoài:

- Người nước ngoài (kể cả người Việt Nam mang quốc tịch nước ngoài): xuất trình hộ chiếu (còn giá trị) và giấy giới thiệu của cơ quan Việt Nam quản lý người nước ngoài đó.
- Người có thân phận ngoại giao: xuất trình chứng minh thư ngoại giao (còn giá trị) và giấy giới thiệu của Cục phục vụ ngoại giao đoàn hoặc Sở Ngoại vụ.
- Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức ở Việt Nam: xuất trình hộ chiếu (còn giá trị) giấy phép lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên cấp.

3. Chủ xe là cơ quan, tổ chức:

- Chủ xe là cơ quan, tổ chức Việt Nam: giấy giới thiệu ghi rõ họ tên, chức vụ người đến đăng ký.

- Chủ xe là doanh nghiệp kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng: giấy giới thiệu của Cục Quản lý xe máy thuộc Tổng cục kỹ thuật - Bộ Quốc phòng.
- Chủ xe là cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế: giấy giới thiệu của Cục phục vụ ngoại giao đoàn hoặc Sở Ngoại vụ.
- Chủ xe là doanh nghiệp liên doanh hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài: bản sao giấy phép đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (ở Trung ương) hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ở địa phương) cấp. Bản sao phải có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan nhà nước đã cấp giấy phép đó.
- Chủ xe là văn phòng đại diện: giấy phép đặt văn phòng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan đã cấp giấy phép đó.
- Chủ xe là công ty nước ngoài trúng thầu mang xe vào sử dụng tại Việt Nam: bản sao giấy phép trúng thầu của Bộ, Ngành hoặc tổ chức kinh tế, xã hội (các bản sao đều phải có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan đã cấp giấy phép đó).
- Chủ xe là các tổ chức phi chính phủ: bản sao giấy phép đặt văn phòng có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan đã cấp giấy phép đó và giấy giới thiệu của cơ quan quản lý tổ chức phi chính phủ đó.

4. Giấy giới thiệu, và bản sao của các tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm 1, 2, 3 nêu trên đều phải được lưu trong hồ sơ xe.

B. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ XE

1. Thủ tục đăng ký xe gồm:

- 1.1. Giấy khai đăng ký (theo mẫu);
- 1.2. Chứng từ chuyển nhượng xe;
- 1.3. Chứng từ lệ phí trước bạ;
- 1.4. Chứng từ nguồn gốc của xe.

2. Chứng từ chuyển nhượng xe quy định tại điểm 1.2. nêu trên gồm một trong các loại giấy tờ sau:

Giấy bán, tặng; quyết định hoặc hợp đồng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; hoá đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính.

Trường hợp xe của các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân không kinh doanh, khi nhượng, bán xe không cần phải có hoá đơn bán hàng. Trường hợp xe của đồng sở hữu, thì khi chuyển nhượng phải có đủ chữ ký hoặc giấy uỷ quyền bán thay của các sở hữu chủ.

3. Chứng từ lệ phí trước bạ quy định tại điểm 1.3. nêu trên được quy định cụ thể như sau:

3.1. Biên lai thu lệ phí trước bạ hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng tiền mặt hoặc bằng séc qua kho bạc Nhà nước (có xác nhận của kho bạc Nhà nước đã nhận tiền).

3.2. Trường hợp được miễn lệ phí trước bạ, phải có tờ khai lệ phí trước bạ.

3.3. Trường hợp nhiều xe chung một chứng từ lệ phí trước bạ, thì phải có tờ khai lệ phí trước bạ và bản sao chứng từ lệ phí trước bạ có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan đã cấp ra.

4. Chứng từ nguồn gốc xe quy định tại điểm 1.4. nêu trên được quy định cụ thể như sau:

4.1. Xe nhập khẩu nguyên chiếc;

4.1.1. Xe nhập khẩu theo hợp đồng thương mại;

- Tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe hai bánh gắn máy nhập khẩu theo quy định.

- Xe là hàng viện trợ, phải có thêm giấy xác nhận viện trợ của Ban tiếp nhận viện trợ quốc tế - Bộ Tài chính.

4.1.2. Xe nhập khẩu phi mậu dịch, xe là quà biếu hoặc xe nhập khẩu là tài sản di chuyển:

- Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng phi mậu dịch theo quy định của Tổng cục Hải quan;

- Tờ khai hàng nhập khẩu phi mậu dịch theo quy định của Tổng cục Hải quan;

- Biên lai thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

- + Đối với các loại xe chở người dưới 24 chỗ ngồi, xe du lịch, xe vừa chở người vừa chở hàng, xe lam có giấy phép nhập khẩu sau ngày 01/01/1996 phải có biên lai thuế tiêu thụ đặc biệt bản chính hoặc bản sao do đơn vị nhập uỷ thác nộp (bản sao do